

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục trung học cơ sở tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2010-2018

Thực hiện Công văn số 446/HĐDT14 ngày 29/12/2017 của Hội đồng dân tộc Quốc hội về việc báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục trung học cơ sở tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, CÔNG TÁC GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI

1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực: tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng khá (9,23%); giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh, nhất là khu vực nhà nước và khu vực FDI. Sản lượng khai thác thủy sản duy trì nhịp độ tăng; sản xuất nông nghiệp từng bước hình thành các khu vực chuyên canh sản phẩm nông sản sạch, theo hướng hữu cơ và tiêu chuẩn VietGap. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng, hoạt động vận tải tăng trưởng khá; chỉ số giá tiêu dùng tăng nhẹ. Thu hút đầu tư trong nước đạt kết quả khá; tình hình triển khai các dự án công nghiệp trọng điểm được đẩy mạnh tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Huy động mạnh mẽ nguồn lực từ xã hội đầu tư hạ tầng đô thị, khu dân cư, góp phần hình thành bộ mặt đô thị và nông thôn mới. Các lĩnh vực xã hội đạt nhiều kết quả tốt; công tác giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, văn hóa, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ; công tác đền ơn đáp nghĩa được quan tâm; công tác tạo việc làm đạt hiệu quả. An ninh chính trị được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được duy trì ổn định.

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng gặp không ít khó khăn, thách thức: sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực ngoài dầu giảm. Tình hình tiêu thụ một số sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi còn khó khăn, không ổn định. Để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, các cấp, các ngành, các địa phương cần thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Khái quát thực trạng công tác giáo dục cấp trung học cơ sở vùng DTTS, miền núi (MN) hiện nay của địa phương (tính đến thời điểm năm học 2017-2018)

a) Trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT)

- Số trường: toàn tỉnh hiện nay có 6 trường PTDTNT cấp trung học cơ sở (THCS) đóng trên địa bàn 6 huyện miền núi, mỗi huyện có 1 trường.

- Số lớp, số học sinh: tổng số học sinh trường PTDTNT là 1.431 em với 46 lớp.

- Tình hình hoạt động: các trường PTDTNT đều đã đi vào hoạt động ổn định từ nhiều năm nay, các trường đều thực hiện việc tổ chức hoạt động theo đúng Thông tư 01/2016/TT-BGDĐT ngày 03/01/2016 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT. Thực hiện Quy chế này, đã tiến hành chuyển giao quản lý các trường THCS DTNT cho các huyện quản lý từ năm 2016. Các trường DTNT thực hiện việc nuôi dưỡng và quản lý học sinh theo chế độ học sinh nội trú, vì vậy hầu hết các hoạt động đều đi vào nề nếp chính quy, việc tự học của học sinh được các trường rất quan tâm và xem đây là mũi nhọn để nâng cao chất lượng giáo dục, hầu hết các trường đều phân công giáo viên nhận nhóm học sinh để phụ đạo, hướng dẫn và quản lý việc tự học của các em; công tác chăm lo đời sống tinh thần cho các em từng bước được quan tâm, cụ thể nhiều trường đã tổ chức cho các em các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc trong những dịp lễ lớn của dân tộc hay của quốc gia, như: lễ Ngã rạ, Đêm về nguồn, Học sinh an tâm và phấn khởi học tập; hầu hết các trường đều có tivi, sách báo cập nhật để giúp học sinh nắm bắt thông tin và cập nhật kiến thức xã hội. Đội ngũ giáo viên trường DTNT được các cấp thẩm quyền giữ ổn định, do vậy rất thuận lợi cho việc tích lũy kinh nghiệm quản lý và giảng dạy theo mô hình trường đặc thù.

b) Trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT)

- Thực hiện Quyết định 368/QĐ-UBND, ngày 14/ 3 /2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Về việc phê duyệt Kế hoạch thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020. Trường PTDTBT của tỉnh Quảng Ngãi được thành lập trên cơ sở của các trường Phổ thông công lập có sẵn, nay chuyển đổi thành mô hình trường PTDTBT. Hiện nay hầu hết các huyện đều đã triển khai thực hiện Kế hoạch thành lập trường PTDTBT. Cụ thể: Theo Kế hoạch tại QĐ 368/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 14/3/2016 tổng số trường phải thành lập đến năm 2020 là 39 trường. Đến thời điểm này toàn tỉnh đã thành lập được 26 trường, còn 13 trường chưa thành lập.

- Các trường đảm bảo cấp kịp thời gạo ăn và tiền hỗ trợ cho học sinh, một số em chưa được ở ký túc xá cũng được cấp kịp thời tiền hỗ trợ nhà ở. Một số trường chưa thực hiện kinh phí chi cho việc đầu tư mua sắm trang

thiết bị, mua sắm dụng cụ thể dục thể thao, xây dựng tủ thuốc theo quy định (các trường thuộc huyện Ba Tơ, Minh Long).

c) Số lượng học sinh: số học sinh vùng DTTS, MN trong toàn tỉnh là 15.588 em, trong đó học sinh DTTS là 13.295 em.

d) Tình hình cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất: Toàn tỉnh đã có 23 trường đi vào hoạt động theo mô hình trường PTDTBT, tuy vậy theo quy định của Thông tư 24/2010/TT-BGDĐT ngày 02/8/2010 thì hầu hết các trường đều chưa đảm bảo về cơ sở vật chất, nhất là ký túc xá, nhà ăn cho học sinh, một vài trường còn chưa đảm bảo đội ngũ cấp dưỡng, giám thị theo quy định; sau khi có mô hình trường PTDTBT học sinh bỏ học giảm nhiều, học lực cũng từng bước được nâng lên, bước đầu các trường đã đi vào tổ chức hoạt động dạy và học đảm bảo theo quy định chung đối với loại hình trường PTDTBT ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu ăn, ở, học tập. Trang thiết bị dạy học, sách giáo khoa tương đối đảm bảo để phục vụ các hoạt động dạy học trong nhà trường.

e) Chất lượng và kết quả học tập: Nhìn chung, trong những năm qua, các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của các trường MN nói chung, các trường PTDTNT nói riêng được thực hiện khá phong phú và đồng bộ, giúp cho học sinh học tập tự giác hơn, hứng thú, do vậy chất lượng học tập của học sinh tăng lên rõ rệt so với kiểm tra chất lượng đầu năm. Tuy vậy so sánh với chất lượng mặt bằng chung cả tỉnh, các trường MN nói chung và các trường PTDTNT nói riêng vẫn chưa theo kịp. Tuy vậy chất lượng giáo dục hằng năm có tăng. Cụ thể:

- Đối với khối THCS DTNT:

+ Năm học 2016-2017: Xếp loại học lực Giỏi: 92; Khá: 613, TB: 644, Yếu: 58, Kém: 3.

+ Năm học 2017-2018: Xếp loại học lực Giỏi: 70; Khá: 690, TB: 624, Yếu: 41, Kém: 3.

- Đối với THPT DTNT:

+ Năm học 2016-2017: Xếp loại học lực Giỏi: 11; Khá: 123, TB: 273, Yếu: 68, Kém: 0.

+ Năm học 2017-2018: Xếp loại học lực Giỏi: 14; Khá: 208, TB: 288, Yếu: 30, Kém: 0.

3. Khái quát về giáo dục nghề nghiệp của địa phương

- Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tính đến ngày 01/3/2019, số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay là 29 cơ sở (giảm 11 đơn vị so với năm 2014 do sáp nhập, giải thể, ngừng hoạt động). Trong đó, có 02 cơ sở giáo dục đại học có hoạt động giáo dục nghề nghiệp, 06 trường cao đẳng; 03 trường trung cấp; 01 Trung tâm

giáo dục nghề nghiệp; 12 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện; 05 cơ sở đào tạo khác có tham gia dạy nghề. Chia theo loại hình: 24 cơ sở công lập và 05 cơ sở ngoài công lập.

- Số ngành nghề đang được đào tạo

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với giải quyết việc làm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã đa dạng hóa ngành nghề theo nhu cầu của người và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Theo đó, hiện nay số ngành nghề đã được cấp phép là: 204 nghề. Trong đó, trình độ cao đẳng có : 59 nghề; trình độ trung cấp: 72 nghề; ; trình độ sơ cấp: 73 nghề.

Quy mô đào tạo hàng năm các cấp trình độ (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) là khoảng 16.000 người.

II. CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN LUỒNG GIÁO DỤC SAU GIÁO DỤC THCS TẠI CÁC VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS.

1. Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến phân luồng sau giáo dục THCS vùng DTTS là hợp lý. Vì trình độ của các em đại đa số ở mức trung bình, yếu và cũng là tạo cơ hội công ăn việc làm cho số học sinh này, góp phần giảm nghèo về kinh tế và vươn lên kinh tế khá cho những vùng DTTS.

2. Hệ thống chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục THCS vùng DTTS: Có quan tâm đến học sinh dân tộc, được miễn, giảm học phí và hưởng các chế độ chính sách khác.

3. Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ban ngành liên quan có quan tâm nhiều đến vùng DTTS. Nhưng từ ngày 01/09/2016 thực hiện theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/07/2016 về việc Quy định chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc và trường phổ thông ở thôn, xã đặc biệt khó khăn. Căn cứ Nghị định 116 thì một số học sinh dân tộc không đủ điều kiện hưởng chế độ bán trú nên tình trạng bỏ học giữa chừng đã xảy ra và nguy cơ bỏ học tăng lên.

4. Chính sách do địa phương ban hành:

- Địa phương luôn quan tâm đến những hộ gia đình dân tộc, trong đó có các em học sinh như cấp phát quà, gạo, tiền,

- Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện cho học sinh dân tộc đi học, miễn, giảm các khoản tiền, cấp phát vở, sách giáo khoa, học bổng cho các em.

III. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC PHÂN LUỒNG SAU GIÁO DỤC THCS VÙNG DTTS GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

1. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách về phân luồng giáo dục sau THCS vùng DTTS.

a) Công tác chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ ngành liên quan:

- Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ ngành liên quan đều có văn bản chỉ đạo, quan tâm đến công tác phân luồng sau giáo dục THCS vùng DTTS.

- Những năm gần đây, công tác này được đẩy mạnh từ hệ thống giáo dục ở cơ sở đến Trung ương.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai ở địa phương:

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo và các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện nghiêm túc triển khai thực hiện đầy đủ chương trình và tài liệu hướng dẫn Hoạt động giáo dục hướng nghiệp (GDHN) được ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình phổ thông, có bổ sung những nội dung đặc thù của địa phương. Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong GDHN. Các đơn vị chủ động đề xuất với lãnh đạo Đảng và chính quyền địa phương huy động các lực lượng kinh tế - xã hội ở địa phương tham gia vào quá trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông. Triển khai thực hiện giảng dạy GDHN từ lớp 9 đến lớp 12 theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 1 tiết/tháng trong 9 tháng thực hiện 3 chuyên đề theo tài liệu Bổ sung sách giáo viên Hoạt động GDHN phổ thông đã ban hành.

- Các đơn vị đã đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh phổ thông để góp phần phân luồng nhất là phân luồng sau THCS và giúp học sinh lựa chọn học lên trình độ cao hơn hoặc đi vào cuộc sống lao động phù hợp với điều kiện của bản thân và yêu cầu đào tạo nhân lực của địa phương và cả nước. Bồi dưỡng giáo viên chuyên trách làm công tác tư vấn hướng nghiệp để có thể tư vấn cho tất cả học sinh lớp 9.

- Về phương pháp tổ chức thực hiện hoạt động GDHN, nhiều đơn vị đã linh hoạt thực hiện riêng theo lớp hoặc theo khối lớp; giao cho giáo viên hoặc mời các chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp... giảng dạy.

2. Thực trạng, nhu cầu và xu hướng nghề nghiệp của học sinh THCS vùng DTTS:

Hầu hết học sinh bậc trung học cơ sở vùng DTTS chưa đủ khả năng định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Điều này do nhiều nguyên nhân như: tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh; tâm lý phụ huynh cho rằng con em mình còn nhỏ, nhiệm vụ chính là phải tiếp tục được học tập văn hóa ở nhà trường nên chưa đề cập đến chuyện nghề nghiệp; phụ huynh không quan tâm nhiều đến

học sinh do điều kiện kinh tế khó khăn, do thói quen canh tác...nên không tiếp cận được với cơ chế, chính sách của nhà nước, không quan tâm đến việc chọn nghề của con em. Chính những tác động đó khiến đa số học sinh sau khi tốt nghiệp THCS đã vào học các trường trung học phổ thông trên địa bàn đang sinh sống, số còn lại tham gia học nghề để tìm kiếm việc làm rất ít, ...Một số học sinh chưa tốt nghiệp THCS, các em chỉ chọn các ngành lao động phổ thông hoặc ở nhà tham gia lao động để mưu sinh kiếm sống hoặc phụ giúp cha mẹ, không tiếp tục vào học tại các trường học nghề, trường hợp xin vào học nghề tại các trường nghề rất ít.

Thực trạng và xu hướng nghề nghiệp của học sinh trong giáo dục phổ thông tại các địa phương này đòi hỏi sự phối hợp của các ban, ngành, các cấp quản lý và nhà trường phải làm tốt công tác hướng nghiệp để tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

3. Thực trạng công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh sau THCS vùng DTTS:

Công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh sau THCS vùng DTTS hiện nay được quan tâm nhiều hơn. Sự chỉ đạo của công tác này của các ngành, các cấp đồng loạt và quyết liệt hơn.

- Hằng năm các đơn vị trường học triển khai công tác hướng nghiệp cho học sinh khối lớp 8, 9. Phân công giáo viên có năng lực chuyên môn tốt dạy nghề cho học sinh trong chương trình.

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về GDHN và định hướng phân luồng học sinh sau THCS. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho học sinh và phụ huynh có nhận thức đúng về công tác phân luồng sau THCS để có lựa chọn đúng đắn, phù hợp với năng lực cá nhân và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn cho CBQL, giáo viên thực hiện công tác phân luồng học sinh sau THCS thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, các hoạt động hướng nghiệp dạy nghề.

Tuy nhiên công tác GDHN cho học sinh chưa mang lại hiệu quả. Phần lớn là kiêm nhiệm, chưa có giáo viên chuyên trách. Đối với trung tâm giáo dục thường xuyên thì cũng phối hợp với giáo viên trong công tác đào tạo nghề phổ thông. Thực tế cho thấy việc học sinh học nghề phổ thông chỉ nhằm mục đích có được điểm ưu tiên trong các kì thi hay xét tốt nghiệp THCS. Chưa thể vận dụng kiến thức nghề vào cuộc sống.

4. Thực trạng công tác phân luồng học sinh THCS vùng DTTS:

a) Thuận lợi

Trong nhiều năm qua, Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có nhiều văn bản chỉ đạo công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh và

đã đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng; nhận thức của học sinh, người dân, các cấp các ngành về công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở được nâng lên, tạo được chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh hợp lý cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu xã hội, hạn chế lãng phí về thời gian, chi phí của học sinh, gia đình và xã hội. Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS theo hướng tăng nhanh tỉ lệ học sinh vào học các chương trình giáo dục nghề nghiệp. Định hướng để học sinh chủ động lựa chọn con đường tiếp tục học phổ thông hoặc học trung cấp phù hợp với hoàn cảnh, năng lực của các em và yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đất nước.

b) Khó khăn

- Trình độ dân trí đồng bào DTTS chưa cao, điều kiện kinh tế khó khăn, học sinh chưa thật sự chủ động trong học tập, chất lượng và kết quả học tập của học sinh THCS vùng DTTS vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu bền vững, việc tham gia học nghề còn thấp, các em thường về cùng gia đình tham gia lao động phổ thông.

- Quan điểm về phân luồng sau THCS của một số phụ huynh, học sinh chưa thông suốt nên việc lựa chọn nghề của học sinh còn theo tâm lý đám đông, tâm lý xã hội chạy theo bằng cấp. Hệ thống thông tin thị trường lao động ở những vùng DTTS thiếu cập nhật.

- Mạng lưới các trường đào tạo nghề, đào tạo trung cấp chuyên nghiệp trong tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu về quy mô và chất lượng. Các trường dù đã đa dạng hóa ngành nghề theo nhu cầu của người học và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động nhưng vẫn chưa theo kịp sự phát triển của xã hội. Các ngành nghề hiện có trong chương trình của các trường chưa có sức hút mạnh mẽ đối với các em học sinh sau tốt nghiệp THCS.

- Cơ chế chính sách về phân luồng chưa đầy đủ, đồng bộ từ trung ương đến địa phương, giữa các bộ, ngành; thiếu những chính sách khuyến khích, thu hút học sinh; xã hội chưa nhìn nhận đúng vai trò của người lao động ở trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề.

- Việc tổ chức cho học sinh gặp gỡ, giao lưu, tìm hiểu nghề nghiệp ở các lĩnh vực lao động khác nhau để tìm hiểu ngành nghề yêu thích chưa được các đơn vị cơ sở quan tâm như tham quan các cơ sở kinh tế tại địa phương; tham dự các hội thảo về nghề nghiệp; tham quan trực tiếp các cơ sở đào tạo; các xí nghiệp, các khu công nghiệp, các trung tâm tư vấn để được tư vấn trực tiếp...v.v.

c) Các giải pháp đã thực hiện phân luồng sau THCS vùng DTTS

- Các đơn vị đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền trong và ngoài nhà trường để các bậc phụ huynh, học sinh nhận thức đúng đắn về việc học tập, cơ

hội việc làm phù hợp với năng lực của học sinh THCS nói chung và học sinh DTTS nói riêng.

- Nhà trường tổ chức hướng dẫn học sinh sau tốt nghiệp THCS làm hồ sơ tuyển sinh vào các trường. Học sinh không đủ điều kiện để học văn hóa ở cấp THPT làm hồ sơ vào trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên, các trường nghề hoặc lao động sản xuất phù hợp với năng lực bản thân.

- Một số phòng Giáo dục và Đào tạo kết hợp với các trường cao đẳng nghề tổ chức tư vấn, phân luồng, hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp, nhất là học sinh DTTS.

d) Thực trạng, điều kiện GDHN cho học sinh sau THCS vùng DTTS

- Hiện tại, vẫn sử dụng chương trình GDHN của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo quy định. Một số nội dung trong chương trình chưa bắt kịp những thay đổi của thời đại mới.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhìn chung chưa đáp ứng được hoạt động hướng nghiệp. Cơ sở vật chất xuống cấp, không đủ phòng chức năng đảm bảo việc tổ chức hoạt động hướng nghiệp.

- Đội ngũ cán bộ quản lí: đã được bồi dưỡng, đào tạo qua các lớp quản lí giáo dục. Nhìn chung là đảm bảo việc triển khai các hoạt động hướng nghiệp. Tuy nhiên, đội ngũ quản lí chưa qua các lớp đào tạo, tập huấn về hướng nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn để tư vấn nghề cho học sinh.

- Giáo viên: các trường thiếu lực lượng chuyên trách về tư vấn hướng nghiệp, nghề nghiệp cho học sinh. Giáo viên không được đào tạo về chuyên môn để hướng nghiệp, dạy nghề; đội ngũ tư vấn còn thiếu kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình hướng nghiệp và huấn luyện kỹ năng mềm cho học sinh. Hầu hết công tác hướng nghiệp ở các trường do giáo viên chủ nhiệm hoặc giáo viên bộ môn đảm nhận. Một số trường hướng nghiệp cho học sinh cuối cấp sơ sài, chỉ tổ chức nói chuyện, trao đổi thông tin nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động... nên chưa thu hút được học sinh.

5. Kết quả công tác phân luồng sau THCS vùng DTTS.

- Số lượng (Tỷ lệ%) trường THCS vùng DTTS có Chương trình GDHN gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương: Ở các đơn vị, chương trình GDHN gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương chưa nhiều. Chủ yếu phối hợp với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong công tác tuyên truyền, tư vấn cho học sinh.

- Các trường THCS có học sinh DTTS đều có giáo viên làm công tác kiêm nhiệm GDHN cho học sinh. Tuy nhiên việc đánh giá hiệu quả và thu thập số liệu sau hướng nghiệp chưa thực hiện được.

(Các Phụ lục số liệu kèm theo)

V. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÂN LUỒNG SAU THCS VÙNG DTTS GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

1. Mục tiêu:

Triển khai và thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 / 5/ 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” và Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 16/01/2019 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg nhằm tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở vào học các trường nghề phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và quốc gia.

2. Nhiệm vụ, giải pháp phân luồng sau THCS vùng dân tộc thiểu số giai đoạn tiếp theo:

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong thông tin và truyền thông, tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự đồng thuận và huy động sự tham gia của toàn xã hội đối với việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nâng cao hơn nữa nhận thức của các cấp ủy, các đơn vị trong ngành về ý nghĩa, tầm quan trọng của đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đối với việc phát triển nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành quán triệt, triển khai tổ chức nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ về phát triển giáo dục nghề nghiệp; chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch thực hiện thiết thực, hiệu quả.

b) Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giảm số lượng, tăng quy mô cơ sở giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm cơ cấu và hợp lý về ngành nghề, trình độ đào tạo (*đa ngành, chuyên ngành*) vùng miền, chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng. Sáp nhập hoặc giải thể các cơ sở giáo dục nghề nghiệp yếu kém, hoạt động không hiệu quả, không đủ năng lực triển khai tự chủ.

- Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa. Gắn đào tạo nghề với phát triển các ngành, lĩnh vực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp. Chú trọng khuyến khích các doanh

ngành phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tham gia giáo dục nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng của Nhà nước và của doanh nghiệp.

- Tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp có ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ (*quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia*) và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành, các nhóm đối tượng đặc thù.

c) Tăng cường gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững

- Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo; hình thành cơ sở dữ liệu về cung cầu thị trường lao động.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dịch vụ đào tạo nghề và tổ chức đào tạo lao động tại chỗ, chú trọng lao động kỹ thuật cao; thường xuyên thông báo công khai về số lượng, chất lượng, ngành nghề, loại hình được đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp nắm bắt thông tin, phục vụ công tác tuyển dụng.

- Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, cung cấp dịch vụ đào tạo nghề có chất lượng, đảm bảo thành thạo kỹ năng nghề, gắn kết quả đào tạo với giải quyết việc làm theo địa chỉ; Các cơ sở đào tạo nghề thực hiện việc đào tạo thông qua đặt hàng của doanh nghiệp nơi người lao động được tiếp nhận vào làm việc.

- Khuyến khích các trường tìm hiểu, thực hiện mô hình cam kết trả lại học phí nếu học sinh không có việc làm sau tốt nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng năng lực thực hiện.

4. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

- Đầu tư nâng cao năng lực, đổi mới nội dung công tác hướng nghiệp theo yêu cầu của thị trường lao động. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS nói chung và học sinh THCS vùng DTTS nói riêng.

- Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng ngành, nghề đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đổi mới cơ chế cấp phát ngân sách nhà nước sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo căn cứ vào số lượng, chất lượng đầu ra để học sinh yên tâm học tập.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về đào tạo nghề, năng lực quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và năng lực của nhà giáo giảng dạy giáo dục

ngành nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo bồi dưỡng giáo viên để chuẩn hóa về kỹ năng nghề nghiệp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục thực hiện việc liên kết, hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Đối với Quốc hội:

Đề nghị quan tâm đến chế độ bán trú cho học sinh dân tộc bị cắt chế độ theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18 / 7 /2016 Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

2. Với Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, ngành:

- Quan tâm nhiều hơn nữa đến chế độ cho học sinh DTTS nhất là khuyến tài cho học sinh DTTS khá, giỏi.

- Tạo điều kiện cung cấp thiết bị dạy học, xây dựng cơ sở vật chất cho các trường vùng xa miền núi để làm tốt hơn công tác phân luồng, hướng nghiệp sau THCS vùng DTTS.

- Cung cấp tài liệu cho các trường để những thông tin cần thiết về nhu cầu nghề nghiệp mà hiện tại xã hội đang cần, nhất là công nhân kỹ thuật lành nghề và các chế độ tiền lương cũng như các ưu tiên khác về nghề nghiệp để các trường cung cấp cho học sinh để các em có nhận thức đúng về năng lực học tập của chính mình và giúp các em trong việc lựa chọn nên thi vào trường nào, nên học ngành nghề nào sau khi tốt nghiệp THCS.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, chính sách liên quan đến phân luồng sau giáo dục trung học cơ sở tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Hội đồng Dân tộc Quốc Hội (Vụ Dân tộc);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện;
- VPUB: CVP, PCVP(KGVX), CBTH ;
- Lưu: VT, KGVXbthm85

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Dũng

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

PHỤ LỤC 01

KẾT QUẢ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TRUNG HỌC CƠ SỞ VÙNG ĐTTT, MN
 GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

(Kèm theo Báo cáo số 51 /BC-UBND ngày 27 / 3/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



Phân luồng học sinh sau THCS	Năm					
	2010		2015		2018	
	Số lượng (HS)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (HS)	Tỷ lệ (%)
1. Số học sinh tốt nghiệp THCS	4.143	98,60	3.526	99,3	3.782	86,72
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	2.819	89,03	2.670	90,04	2.988	89,65
2. Học sinh tuyển vào lớp 10 (Tính cả hệ THPT và GDTX)	3.070	75,89	2.805	77,5	2.502	76,79
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	1.490	57,51	1.461	58,5	1.711	63,24
3. Số học sinh TCCN và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp	264	4,32	301	8,05	417	10,74
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	162	14,34	208	9,45	296	25,16
4. Luồng khác (không học tiếp, ở nhà, tham gia lao động ...)	854	20,35	548	17,13	534	16,93
Trong đó: HS dân tộc thiểu số	789	54,68	514	45,94	520	46,43

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI



PHỤ LỤC 02

ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP, PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU THCS VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ

Báo cáo số 57 /BC-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Năm	Số cơ sở giáo dục và đào tạo tham gia công tác GDHN	Số cán bộ quản lí, giáo viên thực hiện công tác GDHN	Số cán bộ quản lí, giáo viên được đào tạo, tập huấn về GDHN
2010	77	318	60
2015	78	359	93
2018	78	415	97